TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 29/01/2026
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích;

Ông Nguyễn Tường Bích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 454/2025/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Kiều T**, sinh ngày: 17/03/1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Phước H, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cước công dân số 0831970..... cấp ngày 09/8/2021

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Văn B**, sinh ngày: 15/7/1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Chứng minh nhân dân số 321428..... cấp ngày 26/7/2007

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 18/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B chung sống với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND xã Bình T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 05 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 05 năm 2025 cho đến nay.

Nay chị Lê Thị Kiều T thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị Lê Thị Kiều T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Đỗ Văn B.

Về con chung: Chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B có 01 con chung tên Đỗ Lê An N, sinh ngày: 11/10/2021. Hiện con chung đang sống với chị. Chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Lê Thị Kiều T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh Đỗ Văn B vẫn vắng mặt không có lý do, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không thể thu thập được lời khai.*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiều T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều T.

Về con chung: Chị Lê Thị Kiều T được tiếp tục nuôi con chung Đỗ Lê An N, sinh ngày: 11/10/2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kiều T nuôi con chung không yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Lê Thị Kiều T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng anh Đỗ Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B là phù hợp quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*:

Chị Lê Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Đỗ Văn B, yêu cầu nuôi con chung. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Anh Đỗ Văn B có đăng ký thường trú tại: ấp C, xã Bình T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, nay là ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long.

[4] *Về nội dung vụ án*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 03 ngày 19/01/2022 do Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4.2] Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin, không hòa hợp. Anh Đỗ Văn B và chị Lê Thị Kiều T sống ly thân từ tháng 05 năm 2025 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B hàn gắn tình cảm nhưng chị Lê Thị Kiều T vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh Đỗ Văn B đều vắng mặt trong các lần hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh Đỗ Văn B, chị Lê Thị Kiều T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này và mâu thuẫn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4.3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều T đối với anh Đỗ Văn B.

[5] Về con chung: Chị Lê Thị Kiều T và anh Đỗ Văn B có 01 con chung tên Đỗ Lê An N, sinh ngày: 11/10/2021. Chị Lê Thị Kiều T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay con chung Đỗ Lê An N đang sống chung với chị Lê Thị Kiều T vẫn phát triển bình thường. Do đó, nhằm tránh việc xáo trộn về hoàn cảnh, điều kiện sống của con chung nên giao con chung Đỗ Lê An N cho chị Lê Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về việc đóng góp nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kiều T nuôi con chung không yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Kiều T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Đỗ Văn B có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Chị Lê Thị Kiều T khai không có nên ghi nhận.

[9] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>Tuyên xử</u>:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiều T đối với anh Đỗ Văn B. Chị Lê Thị Kiều T được ly hôn với anh Đỗ Văn B.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Lê An N, sinh ngày: 11/10/2021 cho chị Lê Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kiều T nuôi con chung không yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Văn B không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Lê Thị Kiều T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đỗ Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kiều T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị Kiều T đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0009338 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy chị Lê Thị Kiều T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Kiều T, anh Đỗ Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã B
(số 03/2022 ngày 19/01/2022);
- VKSND Khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thái Dương